

Số 157/BC-UBND

Kiên Hải, ngày 07 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã Hòn Tre năm 2019**

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTG ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã Hòn Tre về việc thẩm tra, xét công nhận xã Hòn Tre đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 và báo cáo số 67/BC-UBND ngày 01/10/2019 về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm 2019 của xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt được từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Hòn Tre của các ngành được phân công phụ trách tiêu chí; UBND huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Hòn Tre năm 2019, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 24/10/2019 đến ngày 25/10/2019.

1. Về hồ sơ

1.1. Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản sao).

1.2. Văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

1.3. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí Nông thôn mới trên địa bàn (bản chính).

1.4. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí Nông thôn mới của xã (bản chính).

1.5. Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xã, các Ban phát triển ấp) đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới (bản chính).

1.6. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn xã Hòn Tre (bản chính).

1.7. Tờ trình đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

1.8. Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã Hòn Tre.

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số 01 về Quy hoạch

a) Xã đạt tiêu chí quy hoạch khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.1.1.* Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- *Chỉ tiêu 2.1.2.* Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.1.1.* Hiện nay xã thực hiện quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch được UBND huyện Kiên Hải phê duyệt (theo Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/5.000). Sau khi được phê duyệt quy hoạch, UBND xã tổ chức niêm yết công khai các bản vẽ quy hoạch đúng thời hạn và đúng quy định để người dân biết và tham gia thực hiện.

- *Chỉ tiêu 2.1.2.* UBND xã đã triển khai thực hiện Quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã (theo Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 của UBND huyện về việc ban hành quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải). Việc tổ chức thực hiện quy hoạch được Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, thực hiện tốt trong thời gian qua.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông

a) Xã đạt tiêu chí giao thông khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.2.1.* Tỷ lệ km đường từ Trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (*Chỉ tiêu đạt 100%. Quy mô đạt cấp A theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải hoặc cấp VI theo TCVN 4054-2005*).

- *Chỉ tiêu 2.2.2.* Tỷ lệ km đường trục ấp được cứng hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải (*Chỉ tiêu đạt 60%. Quy mô đạt cấp B theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải*).

- *Chỉ tiêu 2.2.3.* Tỷ lệ km đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (*Chỉ tiêu đạt 100%, có 50% cứng hóa. Quy mô đạt cấp C theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải*).

- *Chỉ tiêu 2.2.4.* Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hoá, xe cơ giới đi lại thuận tiện (*Chỉ tiêu 50%. Nơi nào có điều kiện thì thực hiện, không đưa vào tiêu chí bắt buộc*).

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.2.1.* Trung tâm hành chính huyện đặt trên địa bàn xã, tuyến đường từ trung tâm hành chính huyện đến xã đạt được bê tông hóa 100%.

- *Chỉ tiêu 2.2.2.* Đường trục ấp với tổng chiều dài 15 km, đã được bê tông hóa 100% (*Quy mô cấp B*) đảm bảo cho xe cơ giới đi lại thuận tiện, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của người dân.

- *Chỉ tiêu 2.2.3.* Đường ngõ, xóm trên địa bàn là 2,108km, đã được cứng hóa (*đạt quy mô cấp C*) đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa 100%.

- *Chỉ tiêu 2.2.4.* Do đặc điểm là xã đảo, xã không có đường trục chính nội đồng.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi

a) Xã đạt tiêu chí Thủy lợi khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.3.1.* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động đạt (*Chỉ tiêu: $\geq 80\%$*).

- *Chỉ tiêu 2.3.2.* Tỷ lệ công, đập trạm bơm được kiên cố hóa (*Chỉ tiêu: ≥ 70*).

- *Chỉ tiêu 2.3.3.* Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ (*Chỉ tiêu: Đạt*).

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.3.1.* Do là xã đảo, đất chủ yếu là đất rừng phòng hộ nên diện tích đất nông nghiệp rất ít.

- *Chỉ tiêu 2.3.2.* Do xã không có hệ thống thủy lợi và cống, đập trạm bơm điện phục vụ tưới tiêu.

- *Chỉ tiêu 2.3.3.* Xã đã thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn xã (được kiện toàn theo Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 30/7/2019) và được kiện toàn kịp thời đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, có xây dựng phương án, quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy và có phân công nhiệm vụ từng thành viên thực hiện công tác phòng, chống khi có thiên tai xảy ra.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.4. Tiêu chí số 04 về Điện

a) Xã đạt tiêu chí điện khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.4.1.* Hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện (Tiêu chuẩn Đạt).

- *Chỉ tiêu 2.4.2.* Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đối với khu vực sử dụng điện quốc gia (Tiêu chuẩn đạt: $\geq 98\%$). Riêng đối với khu vực xã đảo sử dụng nguồn điện diezen độc lập đạt $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.4.1.* Người dân trên địa bàn xã đang sử dụng nguồn điện lưới quốc gia do Công ty Điện lực Kiên Giang cung cấp thông qua dự án đường dây 110KV vượt biển với tổng đầu tư 79 tỷ đồng, chất lượng điện được đảm bảo ổn định, hệ thống các trạm biến áp và đường dây truyền tải điện đáp ứng yêu cầu kỹ thuật ngành điện. Nguồn điện cũng được cung cấp thường xuyên liên tục, trước khi cúp điện có thông báo trên trạm truyền thanh của xã để người dân biết theo đúng quy định.

- *Chỉ tiêu 2.4.2.* Trên địa bàn xã có 1.111/1.111 hộ dân sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn, đạt 100%.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.5. Tiêu chí số 05 về Trường học

a) Xã đạt tiêu chí về trường học khi đáp ứng yêu cầu:

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia (*Chỉ tiêu: $\geq 70\%$*).

b) Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn xã có 2/2 trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất là: Trường Tiểu học và Trường THPT Kiên Hải, đạt 100%.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.6. Tiêu chí số 06 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Xã đạt tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa khi đáp ứng các yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.6.1.* Xã có Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và Sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của xã hoặc có Hội trường của UBND xã phục vụ được sinh hoạt văn hóa của cộng đồng xã. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.6.2.* Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.6.3.* Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: Đình, chùa, sân bóng đá mini, bóng chuyền (*Chỉ tiêu: 100%*).

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.6.1.* Xã nằm ngay trung tâm huyện nên không đầu tư xây dựng nhà văn hóa xã mà gắn với Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đang khởi công xây dựng với số vốn 10 tỷ đồng. Hiện xã có Hội trường của UBND huyện, hội trường UBND xã, sân khấu ngoài trời cơ bản phục vụ được sinh hoạt văn hóa của cộng đồng xã. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.6.2.* Trên địa bàn xã có 01 công viên, khuôn viên trung tâm hành chính huyện, 01 sân bóng đá mini, 01 sân bóng đá 7 người và các điểm vui chơi, sinh hoạt cộng đồng khác, đáp ứng tốt nhu cầu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi và người dân. Xã đã xây dựng kế hoạch phòng chống đuối nước cho trẻ em theo quy định và phối hợp với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức dạy bơi cho trẻ, kết quả có 30 em tham gia. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.6.3.* Trên địa bàn xã có 3/3 ấp có Nhà Văn hóa kết hợp Trụ sở ấp đảm bảo diện tích theo quy định, được trang trí và có đầy đủ trang thiết bị, bàn ghế phục vụ sinh hoạt của người dân. Chỉ tiêu này đạt.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.7. Tiêu chí số 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Xã đạt tiêu chí về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng các yêu cầu:

Xã có chợ nông thôn theo quy hoạch hoặc có nơi mua bán, trao đổi hàng hóa. Chỉ tiêu này đạt.

b) Kết quả thực hiện:

Trên địa bàn xã đã có chợ nông thôn, diện tích 950m², gồm có 32 lô, mỗi lô có diện tích 12m². Các bộ phận phụ trợ, công trình thiết yếu được xây dựng đảm bảo theo quy định, tổ chức sắp xếp và phân lô phù hợp với các mặt hàng theo quy định.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.8. Tiêu chí số 08 về Thông tin và Truyền thông

a) Xã đạt tiêu chí về Thông tin và Truyền thông khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.8.1.* Xã có điểm phục vụ bưu chính. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.8.2.* Xã có dịch vụ viễn thông, internet. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.8.3.* Xã có Trạm truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.8.4.* Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành. Chỉ tiêu này đạt.

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.8.1.* Xã có Bưu cục cấp 1 với diện tích 94m², xã cung cấp các dịch vụ chuyển, phát thư, bưu phẩm, bưu kiện. Bưu cục có bảng tên, có niêm yết giờ đóng - mở cửa với thời gian hoạt động 8h/ngày làm việc. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.8.2.* Hiện trên địa bàn xã xã có 3 điểm phục vụ các dịch vụ viễn thông (*Viettel, Vinaphone và Mobifone*) đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy cập Internet toàn xã. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.8.3.* Trên địa bàn xã có Đài Truyền thanh với 30 cụm, 37 loa phát thanh được thường xuyên bảo dưỡng và được phát sóng hàng ngày theo khung giờ quy định, đảm bảo cho người dân nắm bắt các thông tin kịp thời. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.8.4.* UBND xã đã tăng cường công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành như: có hệ thống quản lý văn bản, sử dụng hộp thư điện tử thường xuyên; hiện có 30 máy vi tính trang bị cho cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách xã đạt 100%.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.9. Tiêu chí số 09 về Nhà ở dân cư

a) Xã đạt tiêu chí về Nhà ở dân cư khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.9.1.* Nhà tạm, nhà dột nát (*Chỉ tiêu: Không*).

- *Chỉ tiêu 2.9.2.* Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định (*Chỉ tiêu: $\geq 70\%$*).

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.9.1.* Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.9.2.* Qua khảo sát trên địa bàn xã có 883/1.111 căn nhà đạt chuẩn “3 cứng” của Bộ Xây dựng quy định (*đạt 79,5%*), các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh... được bố trí đảm bảo hợp vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt. Số hộ còn lại có nhà đạt 2 cứng nhưng có kết cấu vẫn đảm bảo an toàn cho người sử dụng, niên hạn sử dụng trên 5 năm và đảm bảo về mỹ quan kiến trúc.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Xã đạt tiêu chí về thu nhập khi đáp ứng yêu cầu:

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2019: 45 triệu đồng.

b) Kết quả thực hiện:

Qua kết quả điều tra thu nhập năm 2019 của UBND xã, mức thu nhập bình quân đầu người năm 2019 của xã là 62,14 triệu đồng/người/năm.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Xã đạt tiêu chí về hộ nghèo khi đáp ứng yêu cầu:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 (*Chỉ tiêu: $\leq 4\%$*).

b) Kết quả thực hiện:

Theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo, tiếp cận đa chiều trong giai đoạn 2016 - 2020. Qua bình xét hộ nghèo năm 2019, trên địa bàn xã không còn hộ nghèo.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a) Xã đạt tiêu chí về lao động có việc làm khi đáp ứng yêu cầu:

Tỷ lệ người lao động có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động (*Chỉ tiêu: $\geq 90\%$*).

b) Kết quả thực hiện:

Hiện tại xã có 2.657/2.846 người lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên, đạt 93,36%.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Xã đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.13.1* Xã có Hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.13.2.* Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững. Chỉ tiêu này đạt.

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.13.1.* Trên địa bàn xã có 01 Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Hòn Tre, hoạt động (*xây dựng Điều lệ; phương án sản xuất kinh doanh; có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; danh sách và Giấy chứng nhận góp vốn của thành viên hợp tác xã; có Hợp đồng sử dụng dịch vụ của thành viên hợp tác xã và hợp tác xã*) trên các lĩnh vực cung cấp con giống, thức ăn, thuốc phòng bệnh và tiêu thụ sản phẩm cho thành viên của hợp tác xã. Hợp tác xã Nuôi trồng thủy sản Hòn Tre ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho xã viên với Công ty TNHH Hiền Công đã tạo đầu ra ổn định cho xã viên an tâm sản xuất.

- *Chỉ tiêu 2.13.2.* Xã Hòn Tre xác định sản phẩm chủ lực phù hợp để liên kết sản xuất và tiêu thụ là các loại cá nuôi lồng bè (*cá mú*), hiện có 44 hộ nuôi cá với 150 lồng. Thời gian qua Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Hòn Tre đã liên kết chặt chẽ với công ty TNHH Hiền Công để tiêu thụ cá thương phẩm cho hợp tác

xã. Ngoài ra, liên kết với các cơ sở thu mua trong và ngoài địa phương, các quán ăn trên địa tiêu thụ cá thương phẩm phục vụ khách du lịch. Trong 02 năm qua Hợp tác xã làm ăn có hiệu quả, tính đến ngày 30/9/2019 hợp tác xã đã có lợi nhuận là 51.336.000 đồng.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a) Xã đạt tiêu chí về Giáo dục và đào tạo khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.14.1.* Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- *Chỉ tiêu 2.14.2.* Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề (*Chỉ tiêu: $\geq 80\%$*).

- *Chỉ tiêu 2.14.3.* Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (*Chỉ tiêu: $\geq 25\%$*).

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.14.1.* Phổ cập.

* *Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi:*

- Số trẻ 5 tuổi trong xã là 75 em; Số trẻ đến lớp là 75 em, đạt 100%.

- Số trẻ 5 tuổi đến lớp là 70 em; Số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN là 70 em, đạt 100%.

* *Xóa mù chữ:*

- Số người trong độ tuổi 15 - 60 trong xã là 3.082 người; Số đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 là 2.446 người, đạt 79,36%.

- Xã đặc biệt khó khăn: số người độ tuổi 15 - 35 trong xã là 1.492; Số đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 là 1.409, đạt 94,43%.

* *Phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi:*

- Số trẻ 6 tuổi trong xã là 64 em; Số trẻ 6 tuổi học lớp 1 là 64 em, đạt 100%.

- Số trẻ 11 tuổi trong xã là 64 em; Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học là 58 em, đạt 90,6%.

* *Phổ cập giáo dục Trung học cơ sở:*

- Số người độ tuổi 15-18 trong xã là 247 người; Số người 15 - 18 tuổi tốt nghiệp THCS là 200 người, đạt 80,97%.

- *Chỉ tiêu 2.14.2.* Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, học nghề: Năm học 2018 - 2019 có 160/200 học sinh, trong đó có 50/50 học sinh tiếp tục học THPT đạt 100%.

- *Chỉ tiêu 2.14.3.* Tỷ lệ việc làm qua đào tạo, xã có 1.091/2.657 người, đạt 41,06%.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Xã đạt tiêu chí về Y tế khi đáp ứng yêu cầu

- *Chỉ tiêu 2.15.1.* Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (*Chỉ tiêu: $\geq 85\%$*).

- *Chỉ tiêu 2.15.2.* Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Chỉ tiêu này đạt.

- *Chỉ tiêu 2.15.3.* Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, chiều cao theo tuổi (*Chỉ tiêu: $\leq 20,5\%$*).

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.15.1.* Xã Hòn Tre là xã đảo nên được hưởng chính sách hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm cho người dân sống trên địa bàn xã, thời gian qua UBND xã và ngành Bảo hiểm xã hội đã thực hiện tốt chính sách, đến nay 100% người dân của xã có thẻ Bảo hiểm y tế.

- *Chỉ tiêu 2.15.2.* Xã có phân trạm y tế và trung tâm Y tế đóng trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang.

- *Chỉ tiêu 2.15.3.* Toàn xã có 415 trẻ dưới 5 tuổi, trong đó có 55/415 trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, chiếm 13,25%.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Xã đạt tiêu chí về Văn hóa khi đáp ứng yêu cầu :

Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định (*Chỉ tiêu: $\geq 70\%$*).

b) Kết quả thực hiện:

Qua đánh giá kết quả thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, đạt 5 năm liên tiếp từ năm 2014 - 2019, có 3/3 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa, đạt 100%.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Xã đạt tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.17.1.* Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định (*Chỉ tiêu: $\geq 95\%$*).

- *Chỉ tiêu 2.17.2.* Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường (*Chỉ tiêu: 100%*).

- *Chỉ tiêu 2.17.3.* Xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

- *Chỉ tiêu 2.17.4.* Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

- *Chỉ tiêu 2.17.5.* Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chỉ tiêu 2.17.6.* Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và bảo đảm 3 sạch (*Chỉ tiêu: $\geq 70\%$*).

- *Chỉ tiêu 2.17.7.* Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (*Chỉ tiêu: $\geq 70\%$*).

- *Chỉ tiêu 2.17.8.* Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (*Chỉ tiêu: 100%*).

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.17.1.* Xã có 1.089/1.111 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 98%, trong đó số hộ sử dụng nước sạch (*nước máy, nước suối*) 1.089/1.089 hộ đáp ứng đạt chuẩn quốc gia là 100%.

- *Chỉ tiêu 2.17.2.* Hiện tại trên địa bàn xã có 05 cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng phải có cam kết bảo vệ môi trường, các cơ sở này đều có cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được UBND huyện xác nhận theo quy định. Thời gian qua chưa phát hiện có trường hợp vi phạm các quy định về môi trường cũng như không có sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn xã. Ngoài ra, trên địa bàn xã hiện có 44 hộ nuôi trồng thủy sản, tất cả đều đã được hướng dẫn các biện pháp bảo vệ môi trường và được tuyên truyền về việc sử dụng hóa chất đúng liều lượng theo hướng dẫn, không sử dụng thuốc nằm trong danh mục cấm sử dụng.

- *Chỉ tiêu 2.17.3.* Thực hiện tiêu chí môi trường xanh, sạch, đẹp:

+ Dọc tuyến đường quanh đảo, trụ sở các cơ quan, trường học có trồng cây xanh, thường xuyên tổ chức phát quang các tuyến đường chính trên địa bàn đảm bảo không ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

+ Các ấp đã xây dựng quy ước về giữ gìn vệ sinh chung trên địa bàn ấp; các mô hình dân vận khéo về môi trường, tuyến đường sạch... của các ngành, đoàn thể xã và các ấp được triển khai có hiệu quả, các khu vực công cộng được vệ sinh thường xuyên, đến nay trên địa bàn xã không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi.

- *Chỉ tiêu 2.17.4.* Xã đã có quy hoạch xây dựng nghĩa trang tại ấp III, diện tích 1,4ha, hiện đang trong giai đoạn xây dựng. Người dân thực hiện việc mai táng tại nghĩa trang ấp II khoảng 3.000m² phù hợp với phong tục tập quán và đảm bảo vệ sinh môi trường.

- *Chỉ tiêu 2.17.5.* Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:

+ Không có thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng, phụ phẩm nông nghiệp được sử dụng và xử lý phù hợp.

+ Đối với chất thải y tế: Được phân loại, thu gom và xử lý bằng lò đốt rác thải y tế tại Trung tâm Y tế huyện.

+ Đối với chất thải sinh hoạt, trên địa bàn xã có 01 Tổ thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày, khối lượng rác thải thu gom hàng ngày khoảng 2 tấn

(chiếm 90%) lượng rác thải phát sinh, còn lại do hộ gia đình tự xử lý bằng phương pháp đốt hoặc chôn lấp.

+ Do là xã đảo nên chưa có điều kiện để xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo quy định. Tuy nhiên, tại các hộ gia đình đều có hố ga để xử lý nước thải, không có trường hợp xả nước thải tràn ra khu vực công cộng.

+ Ban nhân dân các ấp đã hướng dẫn, tổ chức cho các khu dân cư ký kết quy ước bảo vệ môi trường và chọn ngày tổng vệ sinh khu dân cư định kỳ.

- *Chỉ tiêu 2.17.6.* Qua điều tra khảo sát hiện tại trên địa bàn có 883/1.111 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt 79,5%. Hàng năm Hội LHPN xã đều thực hiện và nhân rộng mô hình Chi hội phụ nữ “5 không, 3 sạch”, đặc biệt là mô hình “Chi hội phụ nữ 3 sạch góp phần xây dựng nông thôn mới”.

- *Chỉ tiêu 2.17.7.* Hiện tại trên địa bàn không có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm, chỉ có 05 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không gây ô nhiễm môi trường.

- *Chỉ tiêu 2.17.8.* Qua rà soát trên địa bàn xã có 44/44 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm và được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, đạt 100%. Trong thời gian qua, qua các đợt kiểm tra liên ngành về an toàn vệ sinh thực phẩm không phát hiện vi phạm và trên địa bàn xã không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Xã đạt tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.18.1.* Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

- *Chỉ tiêu 2.18.2.* Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

- *Chỉ tiêu 2.18.3.* Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.

- *Chỉ tiêu 2.18.4.* Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên (*Chỉ tiêu: 100%*).

- *Chỉ tiêu 2.18.5.* Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- *Chỉ tiêu 2.18.6.* Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.18.1.* Tổng số biên chế của xã theo quy định là 22/24 người (*trong đó: Cán bộ 11/11 người; Công chức 11/13 người*), 100% có trình độ văn hóa THPT; trình độ lý luận chính trị có 11 cán bộ, công chức từ trung cấp trở lên (*Cao cấp 04 người; trung cấp 07 người*); trình độ chuyên môn có 11 cán bộ,

công chức từ trung cấp trở lên (*Đại học 09 người; trung cấp 02 người*); 11/11 công chức có chứng chỉ tin học và tin học ứng dụng văn phòng cơ bản theo quy định.

- *Chỉ tiêu 2.18.2.* Hệ thống chính trị của xã có đầy đủ theo quy định gồm: Tổ chức đảng: Đảng ủy xã; chính quyền: Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã; tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ xã, Hội Nông dân xã, Hội Cựu chiến binh xã và Công đoàn.

- *Chỉ tiêu 2.18.3.* Qua đánh giá cuối năm 2018 của Huyện ủy, Đảng bộ xã đạt “Trong sạch vững mạnh”; chính quyền được UBND tỉnh tặng cờ thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào thi đua năm 2018.

- *Chỉ tiêu 2.18.4.* Hàng năm các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện đánh giá các tổ chức chính trị - xã hội xã có 6/6 tổ chức đạt loại khá trở lên, đạt 100% (trong đó: Mặt trận Tổ quốc đạt vững mạnh; Cựu Chiến binh đạt trong sạch vững mạnh; Hội LHPN đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Đoàn thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc; Hội Nông dân đạt vững mạnh; Công đoàn đạt vững mạnh).

- *Chỉ tiêu 2.18.5.* Hàng năm xã đều được công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- *Chỉ tiêu 2.18.6.* Hiện tại xã có 03 nữ lãnh đạo (*Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND xã, Phó Bí thư Đảng ủy và Phó Chủ tịch UBND xã*). Có 100% gia đình thuộc hộ khó khăn, phụ nữ khuyết tật có nhu cầu vay vốn được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi của Ngân hàng chính sách xã hội huyện thông qua Ban Chỉ đạo giảm nghèo xã; trong những năm qua, trên địa bàn xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; Hàng năm UBND xã có xây dựng kế hoạch và nội dung tuyên truyền về bình đẳng giới và phát trên Trạm truyền thanh xã. BCD phòng chống bạo lực gia đình được kiện toàn kịp thời, có xây dựng mô hình địa chỉ tin cậy và nhà tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình.

c) Tự đánh giá: Đạt.

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh

a) Xã đạt tiêu chí về Quốc phòng - an ninh khi đáp ứng yêu cầu:

- *Chỉ tiêu 2.19.1.* Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- *Chỉ tiêu 2.19.2.* Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (*ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút*) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b) Kết quả thực hiện:

- *Chỉ tiêu 2.19.1.* Ban Chỉ huy Quân sự xã có 05 thành viên: 01 Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, 02 Chỉ huy phó, 01 Chính trị viên là Bí thư Đảng ủy xã, 01 Chính trị viên phó là Bí thư xã Đoàn. Chỉ huy trưởng và Chỉ huy phó đều được đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở. Đồng thời

có trụ sở và được trang bị đầy đủ trang thiết bị theo quy định (có sổ theo dõi, kiểm tra hàng tuần). Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ là 34/134 đạt 25,37%, hiện có 3/3 ấp đội trưởng, 3/3 trung đội trưởng là đảng viên. Hàng năm Ban Chỉ huy Quân sự xã tổ chức lễ kết nạp dân quân, huấn luyện dân quân, phối hợp với lực lượng có liên quan tuần tra bảo vệ ANTT trên địa bàn, phòng và chữa cháy rừng, phòng chống bạo lực và tìm kiếm cứu nạn cứu hộ...

Ban Chỉ huy Quân sự xã cổ phối hợp tuyên truyền, giáo dục quốc phòng an ninh, vận động quần chúng trong công tác chính sách hậu phương, tổ chức dân quân tự vệ, dự bị động viên, tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ theo chỉ tiêu được giao.

Hàng năm xã được công nhận hoàn thành xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- *Chỉ tiêu 2.19.2.* Hàng năm Đảng ủy có ban hành Nghị quyết, UBND xã có xây dựng kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự, công an xã có kế hoạch cụ thể hóa Nghị Quyết, kế hoạch của Đảng ủy, UBND xã, tổ chức 02 mô hình phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội ở cơ sở hoạt động có hiệu quả. Công an xã có phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng xã đạt chuẩn “an toàn về an ninh trật tự”. Trên địa bàn không xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật và không xảy ra trọng án trên địa bàn. Các tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm so với năm trước, năm 2019 phạm pháp hình sự xảy ra 01 vụ 01 tên, TTXH xảy ra 11 vụ 22 tên 04 vụ (giảm 01 vụ so với năm 2018); Không xảy ra tai nạn giao thông và tai nạn lao động. Năm 2017, 2018 đều được công nhận đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh trật tự” theo Quyết định số 1946/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Thời gian qua, trên địa bàn không xảy ra hoạt động phá hoại mục tiêu, công trình, không xảy ra hoạt động chống phá Đảng, chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không có hoạt động truyền đạo trái pháp luật và không xảy ra tranh chấp phức tạp, khiếu kiện đông người kéo dài.

c) Tự đánh giá: Đạt.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn xã Hòn Tre

Từ khi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đến nay, tổng số vốn đầu tư Trung ương và địa phương đầu tư vào xã Hòn Tre 14,422 tỷ đồng. Hàng năm UBND xã và UBND huyện đều thanh quyết toán đúng quy định, không có tình trạng nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Có đủ hồ sơ theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn Nông thôn mới ; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới: Tổng số các tiêu chí nông thôn mới xã Hòn Tre được UBND huyện Kiên Hải thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới: Xã Hòn Tre không nợ đọng xây dựng cơ bản nông thôn mới.

C. KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh Kiên Giang, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kiên Giang, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh thẩm định, công nhận xã Hòn Tre đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2019.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Hòn Tre năm 2019 của UBND huyện Kiên Hải./.

Nơi nhận: *Ưu*

- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- CT và các PCT UBND huyện;
- TV BCĐ các Chương trình MTQG huyện;
- Văn phòng Điều phối NTM huyện;
- Lưu: VT, PNN&PTNT.

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Thanh Bình

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
của xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang
(kèm theo báo cáo số 157/BC-UBND ngày 07/11/2019 của UBND huyện Kiên Hải)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công khai đúng thời gian	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường từ trung tâm xã đến đường huyện hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ Km đường trục ấp được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	60%)	12/12 km, Đạt 100%	12/12 km, Đạt 100%
		2.3. Tỷ lệ Km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	(50% cứng hóa)	đạt 100%	Đạt 100%
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện		Do đặc thù là xã đảo	Do đặc thù là xã đảo
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tới tiêu chủ động đạt	≥80%	Do đặc thù là xã đảo	Do đặc thù là xã đảo
		3 2. Tỷ lệ công đập trạm bơm được kiên cố hóa	≥70%	Do đặc thù là xã đảo	Do đặc thù là xã đảo
		3.3. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%	1.111/1.111 hộ, đạt 100%	1.111/1.111 hộ, đạt 100%

5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	$\geq 70\%$	3/3 trường	Đạt 100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ văn hóa, thể thao của xã hoặc có hội trường UBND xã phục vụ được sinh hoạt văn hóa của cộng đồng xã.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3 Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao sinh hoạt cộng đồng: Đình, Chùa, sân bóng đá mini, bóng chuyền.	100%	3/3 ấp, đạt 100%	3/3 ấp, đạt 100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn theo quy hoạch hoặc có nơi trao đổi mua bán hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có trạm truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, nhà dột nát	Không	0	0
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn quy định	$\geq 70\%$	883/1.111 đạt 79,54%	883/1.111 đạt 79,54%
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2019 (triệu đồng/năm)	40,6 triệu đồng/người	62,14 triệu đồng/người	62,14 triệu đồng/người
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	$\leq 4\%$	Xã không còn hộ nghèo, Đạt	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	$\geq 90\%$	2.657/2.846, đạt 93,36%	2.657/2.846, đạt 93,36%

13	Tổ chức sản xuất	13.1 Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thu nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	≥80%	50/50 học sinh, đạt 100%	50/50 học sinh, đạt 100%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥25%	1.091/2.657lđ, đạt 41,06%	1.091/2.657 lđ, đạt 41,06%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	≥85%	Đạt 100%	Đạt 100%
		15.2. Xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi (Chiều cao theo tuổi)	≤ 20,5%	55/415, đạt 13,25%	55/415, đạt 13,25%
16	Văn hóa	Tỷ lệ ấp văn hóa đạt chuẩn theo quy định	≥70%	3/3 ấp, đạt 100%	3/3 ấp, đạt 100%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥95% (trong đó có 65% số hộ sử dụng nước sạch.)	1.089/1.111hộ, đạt 98,01%	1.089/1.111 hộ, đạt 98,01%
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản làng nghề đảm bảo quy định về môi trường.	100%	5/5, đạt 100%	5/5, đạt 100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Cơ bản đảm bảo (đạt)	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn, nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt

		17.6. Tỷ lệ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chức nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	≥70%	883/1.111 hộ, đạt 79,54%	883/1.111 hộ, đạt 79,54%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥70%	5/5 hộ, đạt 100%	5/5 hộ, đạt 100%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình có kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP.	100%	44/44 hộ, đạt 100%	44/44 hộ, đạt 100%
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					
18	Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị- xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	6/6 tổ chức, đạt 100%	6/6 tổ chức, đạt 100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	6/6 tổ chức, đạt 100%	6/6 tổ chức, đạt 100%
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ hỗ trợ những người bị tổn thương trong các lĩnh vực của các gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "Vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	Đạt	Đạt